

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2023/DS-PT

Ngày: 11-9-2023

V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh;

Bà Kiều Kim Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1970; HKTT: Số 80/4, Hoàng Xuân Nhị, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Lô 7, R33+R34, **KDC T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **H**: Bà **Đoàn Thị Ngọc T**, sinh năm

1979. Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện B, tỉnh Long An. (Có mặt)

Chỗ ở: Số F, Tổ A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Nguyễn Như H1 – Công ty L Anh em Luật sư, Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ: Số A, đường A.KP3, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Hoàng S, sinh năm 1972; HKTT: Số 07, lô R, khu dân cư Tân Hòa, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: Số 12, đường Hồ Xuân Hương, Khóm 1, Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Bà Huỳnh Ngọc Văn T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A, đường H, Khóm A, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà T1: Ông Cao Minh T2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Minh H2, sinh năm 1970; Địa chỉ: 80/5 Hoàng Xuân Nhị, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Lô 7, R33+R34, KDC T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2: Bà Đoàn Thị Ngọc T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 7, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Chỗ ở: Số 65, Tổ 1, ấp Phú An, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Hoàng S, bà Huỳnh Ngọc Văn T1 là bị đơn.

5. Kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của

nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh H2 là bà Đoàn Thị Ngọc T trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Phạm Minh H2 là vợ chồng, ông H2 là anh ruột của ông Phạm Hoàng S. Do là chỗ anh em trong gia đình nên vào năm 2017-2018, vợ chồng bà H, ông H2 cho vợ chồng ông Phạm Hoàng S và bà Huỳnh Ngọc Văn T1 vay tiền nhiều lần, việc vay mượn tiền giữa bà H, ông H2 và ông S không có lập hợp đồng bằng văn bản, ông S mượn tiền bà H qua lời nói và bà H đồng ý cho mượn tiền nên chuyển tiền qua tài khoản cho anh S. Mục đích ông S vay tiền của bà H, ông H2 để mua đất, thời hạn vay tiền không thời hạn nhưng hai bên có thỏa thuận khi nào bà H, ông H2 cần tiền thì thông báo cho ông S, bà T1 thì ông S, bà T1 trả tiền ngay lại cho bà H, ông H2. Hình thức cho vay là ông S điện thoại cho bà H hỏi vay tiền, do bà H là người giữ tiền. Cách thức đưa tiền vay là sau khi ông S điện thoại hỏi bà H vay tiền, bà H trao đổi với ông H2 thống nhất cho ông S vay tiền thì bà H sử dụng tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng N và Ngân hàng S1 chuyển tiền vay vào tài khoản của ông Phạm Hoàng S hoặc thông qua giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản 070021465982 của ông Phạm Hoàng S mở tại Ngân hàng S1 và tài khoản 6501205043590 của ông Phạm Hoàng S mở tại Ngân hàng N để cho ông S vay tiền, cụ thể bà H đã chuyển tiền cho ông S 05 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 24/7/2017 bà H chuyển tiền cho ông S thông qua hóa đơn giá trị gia tăng kiêm lệnh chuyển tiền, giáp nộp tiền tại Ngân hàng S1 chi nhánh C1, P vào tài khoản 070021465982 của ông Phạm Hoàng S với số tiền 360.000.000 đồng. Với nội dung chuyển tiền là chuyển tiền cho mượn.

- Lần 2: Ngày 20/12/2017 bà H chuyển tiền cho ông S thông qua Ủy nhiệm chi tại Ngân hàng S1 chi nhánh C1, P vào tài khoản 070021465982 của ông Phạm Hoàng S với số tiền 1.000.000.000 đồng. Với nội dung chuyển tiền là cho mượn.

- Lần 3: Ngày 01/11/2018 bà H chuyển tiền cho ông S thông qua Ủy nhiệm chi tại Ngân hàng N Chi nhánh 11 TP. vào tài khoản 6501205043590 của ông Phạm Hoàng S với số tiền 1.279.259.000 đồng. Với nội dung CK PHẠM HOÀNG SANG cho mượn.

- Lần 4: Ngày 06/12/2018 bà H chuyển tiền cho ông S thông qua giấy nộp tiền tại Ngân hàng N Chi nhánh 11 TP. vào tài khoản 6501205043590 của

ông **Phạm Hoàng S** với số tiền 450.000.000 đồng. Với nội dung **NGUYỄN THỊ HỒNG H3** nộp tiền cho mượn.

- Lần 5: Ngày 10/12/2018 bà **H** chuyển tiền cho ông **S** thông qua Ủy nhiệm chi tại **Ngân hàng N** Chi nhánh 11 **TP .** vào tài khoản 6501205043590 của ông **Phạm Hoàng S** với số tiền 500.000.000 đồng. Với nội dung **NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH CHO MƯỢN.**

Tổng số tiền qua 05 lần chuyển là 3.589.259.000 đồng.

Về tiền lãi, khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất vay theo mức lãi suất 10%/năm. Do đó, số tiền lãi yêu cầu như sau:

- Đối với tiền lãi số tiền vay 360.000.000 đồng: Tính từ ngày 24/7/2017 đến ngày 07/3/2022 là 360.000.000 đồng x 04 năm 07 tháng 14 ngày x lãi suất 10%/năm là 166.310.000 đồng.

- Đối với tiền lãi số tiền vay 1.000.000.000 đồng: Tính từ ngày 20/12/2017 đến ngày 07/3/2022 là 1.000.000.000 đồng x 04 năm 02 tháng 15 ngày x lãi suất 10%/năm là 420.750.000 đồng.

- Đối với tiền lãi số tiền vay 1.279.259.000 đồng: Tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 07/3/2022 là 1.279.259.000 đồng x 03 năm 04 tháng 06 ngày x lãi suất 10%/năm là 428.372.000 đồng.

- Đối với tiền lãi số tiền vay 450.000.000 đồng: Tính từ ngày 06/12/2018 đến ngày 07/3/2022 là 450.000.000 đồng x 03 năm 03 tháng 01 ngày x lãi suất 10%/năm là 146.329.000 đồng.

- Đối với tiền lãi số tiền vay 500.000.000 đồng: Tính từ ngày 10/12/2018 đến ngày 07/3/2022 là 500.000.000 đồng x 03 năm 02 tháng 25 ngày x lãi suất 10%/năm là 161.758.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 1.323.519.000 đồng nhưng bà **H** chỉ yêu cầu ông **S**, bà **T1** trả số tiền lãi là 1.319.703.345 đồng.

Về trách nhiệm liên đới: Trong 05 lần vay tiền này thì người trực tiếp vay tiền là ông **Phạm Hoàng S**, bà **T1** không có điện thoại, liên hệ bà **H**, ông **H2** vay tiền nhưng do hai vợ chồng ông **S** và bà **T1** cùng sử dụng chung số tiền vay của bà **H**, ông **H2** nên ông **S**, bà **T1** có trách nhiệm liên đới trả tiền cho bà **H**, ông **H2**.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông **Phạm Hoàng S** yêu cầu bà **H** thanh toán số tiền hàng chả cá còn thiếu là 3.600.000.000 đồng thì bà **H** không đồng ý, vì bà **H**, ông **H2** với ông **S**, bà **T1** không có hợp tác kinh doanh chả cá. Do trước đây khoảng năm 2007 bà **H** có mở cơ sở chả cá tại **thành phố S**, lúc này bà **H** không đứng tên giấy phép kinh doanh được, đến năm 2008 bà **H** xin được giấy phép kinh doanh nhưng nhờ chị **Huỳnh Ngọc Văn T1** đứng tên dùm. Đến năm 2017, khi vợ chồng ông **H2**, bà **H** về **S** mở cơ sở kinh doanh thì có yêu cầu vợ chồng ông **S**, bà **T1** sang tên giấy phép kinh doanh lại cho ông **H2**, bà **H** nhưng vợ chồng ông **S**, bà **T1** không đồng ý vì ông **S**, bà **T1** cho rằng không có hợp tác kinh doanh với ông **H2**, bà **H**. Nên ông **H2**, bà **H** đăng ký tên kinh doanh với tên mới là **C** sở chả cá **H**. Tại phiên tòa, bị đơn ông **S** rút yêu cầu phản tố, bà **H**, ông **H2** không có ý kiến gì.

Ngoài 05 lần vay tiền này thì bà **H**, ông **H2** còn chuyển tiền cho ông **S** nhiều lần khác, trong trường hợp có tranh chấp về số tiền chuyển này thì ông **H2** và bà **H** sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Nay bà **Nguyễn Thị Hồng H** yêu cầu ông **Phạm Hoàng S** và bà **Huỳnh Ngọc Văn T1** có trách nhiệm liên đới trả cho bà **H**, ông **H2** số tiền vốn vay còn nợ là 3.589.259.000 đồng và tiền lãi là 1.319.703.345 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 4.908.962.345 đồng (Bốn tỷ, chín trăm lẻ tám triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng). Ngoài ra, bà **H**, ông **H2** không yêu cầu gì khác.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà ông **Phạm Hoàng S**, bà **Huỳnh Ngọc Văn T1** là ông **Cao Minh T2** trình bày (Ông **S** có yêu cầu phản tố): Ông **S**, bà **T1** không thống nhất với lời trình bày của bà **H**, ông **H2**. Ông **S**, bà **T1** xác nhận có nhận 05 lần với tổng cộng số tiền 3.589.259.000 đồng do bà **H** chuyển vào tài khoản 070021465982 của ông **Phạm Hoàng S** mở tại **Ngân hàng S1** và tài khoản 6501205043590 của ông **Phạm Hoàng S** mở tại **Ngân hàng N**, nhưng đây là tiền bà **H** chuyển về để ông **S**, bà **T1** mua nguyên vật liệu chế biến chả cá kinh doanh, đây là tiền hợp tác kinh doanh, không phải là tiền ông **S**, bà **T1** vay mượn gì của bà **H**, ông **H2**, vì giữa bà **H**, ông **H2** và ông **S**, bà **T1** không có hợp đồng vay mượn tiền gì, mà giữa bà **H** và ông **S** và bà **T1** có hợp tác sản xuất chế biến kinh doanh chả cá, theo đó vợ chồng ông **H2**,*

bà H chuyển tiền về cho ông S, bà T1 mua nguyên vật liệu, còn vợ chồng ông S, bà T1 phụ trách cơ sở chế biến chả cá sau đó chuyển lên thành phố Hồ Chí Minh cho vợ chồng ông H2, bà H bán, chứng cứ thể hiện sự hợp tác giữa ông H2, bà H và ông S, bà T1 là tên cơ sở sản xuất chả cá tên “CƠ SỞ HUỖNH NGỌC VĂN THU’ (HÙNG HẠNH) hiện nay không còn hoạt động, tên “HÙNG HẠNH” là ghép tên của ông Phạm Minh H2 và bà Nguyễn Thị Hồng H lại. Mặt khác, trong 05 lần bà H chuyển tiền cho ông S ghi nội dung chuyển tiền là cho mượn thì ông S, bà T1 không biết, ông S, bà T1 không có hợp đồng vay mượn tiền của bà H, ông H2, các lần ông S nhận tiền tại ngân hàng thì không có ghi nội dung nhận tiền là nhận tiền mượn và trong 05 lần chuyển tiền thì có 04 lần vào các ngày 24/7/2017, ngày 20/12/2017, ngày 01/11/2018 và ngày 06/12/2018 có ghi chữ viết tay nội dung chuyển tiền “cho mượn”, ông S, bà T1 cho rằng do bà H ghi bỏ sung sau khi có tranh chấp với ông S, bà T1. Trong thời gian hợp tác kinh doanh, sau khi bà H chuyển tiền về mua nguyên liệu chế biến chả cá thì ông S có chuyển cho bà H sổ hàng hóa chả cá có giá trị là 3.600.000.000 đồng, đến nay bà H chưa thanh toán cho ông S.

Do đó, đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu ông Phạm Hoàng S và bà Huỳnh Ngọc Văn T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà H, ông H2 số tiền vốn vay còn nợ là 3.589.259.000 đồng và tiền lãi là 1.319.703.345 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 4.908.962.345 đồng (Bốn tỷ, chín trăm lẻ tám triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng), thì ông S, bà T1 không đồng ý.

Tại phiên tòa, bị đơn ông S có đơn xin rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu nguyên đơn bà H thanh toán cho bị đơn ông S sổ hàng hóa có trị giá là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ, sáu trăm triệu đồng) mà ông S đã chuyển cho bà H. Đồng thời tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn đề nghị ngừng phiên tòa để được đối chất với ông H2, bà H và nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ. Ngoài ra, ông S, bà T1 không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H về việc yêu cầu ông Phạm Hoàng S, bà Huỳnh Ngọc Văn T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ.

Buộc ông **Phạm Hoàng S**, bà **Huỳnh Ngọc Văn T1** trả cho bà **Nguyễn Thị Hồng H** số tiền vốn vay còn nợ là 3.589.259.000 đồng và tiền lãi là 1.319.703.345 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 4.908.962.345 đồng (Bốn tỷ, chín trăm lẻ tám triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông **Phạm Hoàng S** về việc yêu cầu bà **Nguyễn Thị Hồng H** trả cho ông **S** số tiền hàng có trị giá là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2022, ông **Phạm Hoàng S** và bà **Huỳnh Ngọc Văn T1** có đơn kháng cáo. Ông **S** yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà **H**. Bà **T1** yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà **H** về việc buộc bà **T1**, ông **S** liên đới trả tiền cho bà **H**.

Ngày 20/9/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc có Quyết định Kháng nghị số 43/QĐ-KN-DS đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc ông **S** trả cho bà **H** vốn 3.589.259.000đ và lãi tính từ ngày 26/3/2021. Không buộc bà **T1** liên đới cùng với ông **S** trả nợ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà **Đoàn Thị Ngọc T** và ông **Cao Minh T2** trình bày bà **H**, ông **S**, bà **T1** không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, Luật sư đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị rút một phần kháng nghị và đề nghị chấp nhận phần kháng nghị còn lại của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa

Đéc. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông S và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H khởi kiện ông S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Bà H ủy quyền cho bà Đoàn Thị Ngọc T; ông S, bà T1 ủy quyền cho ông Cao Minh T2, thủ tục ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Đối với bà T1, ông S là vợ chồng đang sống chung hộ và hai đương sự cùng với tư cách bị đơn trong việc tranh chấp hợp đồng vay nên ông T2 là đại diện theo ủy quyền của bà T1 là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Theo bà H trình bày vào năm 2017, 2018 ông S trực tiếp điện thoại hỏi vay tiền của bà H, mục đích là để mua đất nên bà H có chuyển tiền vào tài khoản của ông S tổng cộng 05 lần, cụ thể: Ngày 24/7/2017 số tiền 360.000.000đ, ngày 20/12/2017 số tiền 1.000.000.000đ, ngày 01/11/2018 số tiền 1.279.259.000đ, ngày 06/12/2018 số tiền 450.000.000đ, ngày 10/12/2018 số tiền 500.000.000đ, tổng cộng 3.589.259.000đ. Việc thỏa thuận vay không quy định thời hạn trả nợ nhưng do có nhu cầu lấy lại vốn nên có thông báo cho ông S biết để trả nợ vay. Nay yêu cầu ông S phải trả số tiền vay nói trên. Ông S thừa nhận có nhận tiền như bà H trình bày nhưng là tiền bà H chuyển cho ông S để mua nguyên liệu làm chả cá để chuyển cho bà H bán, nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H vì không có vay tiền.

Nhận thấy, ông S thừa nhận có nhận của bà H số tiền 3.589.259.000đ, việc nhận tiền không có làm biên nhận nhận tiền nhưng theo chứng từ chuyển tiền vào tài khoản của ông S có ghi rõ nội dung tiền cho mượn. Việc ông S cho rằng bà H tự viết tay thêm nội dung tiền cho mượn vào chứng từ chuyển tiền sau khi xảy ra tranh chấp với ông S. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh Đ - Phòng G; Ngân hàng N - Chi nhánh Đ - Phòng G thì các chứng sao y đều thể hiện tiền bà H chuyển cho ông S là tiền cho mượn. Đối với việc ông S thừa nhận có nhận tiền nhưng là tiền bà H giao cho ông S để mua nguyên liệu chế biến chả cá kinh doanh, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm thì ông T2 cũng không cung cấp

được chứng cứ mới chứng minh số tiền nhận trong 05 lần không phải là tiền mượn (tiền vay). Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà **H** thỏa thuận cho ông **S** vay tiền là có cơ sở, nên ông **S** phải có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét đối với tiền lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm thì bà **T** thừa nhận nội dung đơn khởi kiện ban đầu vào ngày 25/3/2021 thì bà **H** không yêu cầu tính lãi, nhưng sau đó làm đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/3/2022 thì bà **H** cho rằng do thỏa thuận miệng nên bà **H** nhớ nhầm là vay không có lãi nhưng khi nghĩ lại thì ông **S** có yêu cầu được trả lãi. Thực tế cho vay chỉ thể hiện chứng từ nhận tiền, hoàn toàn không có hợp đồng hoặc biên nhận để làm căn cứ xác định hợp đồng vay có lãi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2021 thì bà **T** khai rằng bà **H**, ông **H2** cho ông **S**, bà **T1** không có tính lãi, nay bà **T** không cung cấp chứng cứ mới chứng minh thỏa thuận tính lãi vay từ ngày nhận tiền. Vì vậy xác định vay không lãi nên chỉ tính lãi từ ngày khởi kiện 26/3/2021 do ông **S** chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ và áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp. Tiền lãi như sau: $3.589.259.000đ \times 0,83\%/tháng \times 17 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 515.381.687đ$.

Về trách nhiệm liên đới của bà **T1**: Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện bị đơn thừa nhận ông **S** nhận tiền của bà **H** là có thật và xác nhận ông sang nhận tiền của bà **H** để mua nguyên liệu chế biến chả cá. Đồng thời tại văn bản ý kiến ngày 29/4/2021 ông **S** và bà **T1** trình bày có nhận số tiền 3.589.259.000đ của bà **H** để sử dụng sản xuất chả cá và ông **S**, bà **T1** cùng ký tên gửi Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông **S**, bà **T1** cùng sử dụng tiền này vào mục đích thiết yếu của gia đình nên bà **T1** phải có trách nhiệm liên đới với ông **S** trả nợ cho bà **H** là có cơ sở. Vì vậy chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông **S**, bà **T1** về tiền lãi.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc:

Theo nội dung quyết định kháng nghị nhận định việc ông **S** và bà **T1** cùng ủy quyền cho ông **T2** tham gia tố tụng đã vi phạm tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Tỉnh rút lại một phần kháng nghị đối với nội dung này. Theo Quyết định kháng nghị cho rằng, bà **T1** khai không biết số tiền trên và ông **S** cũng không đưa tiền cho bà sử dụng; bà **H** thừa nhận cho **S** mượn tiền đều chuyển vào tài khoản của ông **S**, mục đích là mua đất kinh doanh bất động sản, ông **S** điện thoại mượn tiền; việc ông trí khai ông **S**, bà **T1**

xác nhận có nhận 05 lần là 3,589.259.000đ, nhưng đây là tiền mua nguyên liệu chế biến chả cá là không đúng ý kiến của bà T1 nên không buộc bà T1 liên đới trả nợ là chưa phù hợp. Bởi vì ông S, bà T1 là vợ chồng và hai đương sự đều trình bày tiền sử dụng để kinh doanh làm kinh tế gia đình như phân tích của Hội đồng xét xử nói trên.

Về tiền lãi: Nội dung đơn khởi kiện ngày 25/3/2021 thì bà H cho mượn tiền không quy định thời hạn trả, không tính lãi, không xác định được đòi nợ vào thời điểm nào, nên chỉ tính lãi từ ngày khởi kiện là có cơ sở như phân tích nói trên nên chấp nhận kháng nghị phần này.

Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu: Đề nghị rút một phần kháng nghị và đề nghị chấp nhận phần kháng nghị còn lại của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông S và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T1 là có một phần cơ sở nên chấp nhận một phần.

Do đó chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông S, bà T1. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 36.129.649đ. Ông S, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 112.104.640đ.

Ông S, bà T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 43/QĐ-VKS-DS ngày 20/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Hoàng S và bà Huỳnh Ngọc Văn T1.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H về việc yêu cầu ông Phạm Hoàng S, bà Huỳnh Ngọc Văn T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ.

Buộc ông Phạm Hoàng S, bà Huỳnh Ngọc Văn T1 trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền vốn vay còn nợ là 3.589.259.000 đồng và tiền lãi là 515.381.687 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 4.104.640.687 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Hoàng S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H trả cho ông S số tiền hàng có trị giá là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

- Ông Phạm Hoàng S, bà Huỳnh Ngọc Văn T1 nộp 112.104.640đ đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 36.129.649 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.893.000 đồng theo biên lai số 0013623 ngày 31/3/2021 và 4.561.000 đồng theo biên lai số 0000669 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc. Vậy được nhận lại số tiền 20.324.351 đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Hoàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.000.000 đồng theo biên lai số 0000589 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

- Ông S, bà T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông S, bà T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp mỗi người là 300.000 đồng theo các biên lai số 0001034, số 0001035 cùng ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh DT;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng